

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 16/2017/TLDS-ST ngày 03/3/2017.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Anh P; bà Nguyễn Thị L; bà Nguyễn Thị V; cùng cư trú tại: Thôn T 1, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T; nơi cư trú tại: Thôn T 2, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Vợ chồng ông Nguyễn Huy H, bà Nguyễn Thị Thúy N; cùng trú tại: Thôn T 1, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

+ Ông Phan Lê R, bà Phan Thị Trà M, Bà Phan Thị Hồng O, bà Phan Thị Lệ Q là người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị B; cùng trú tại Thôn Y 1, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*Người đại diện hợp pháp của ông R, bà M, bà O, bà Q*: Ông Nguyễn Anh P, sinh năm 1960, nơi cư trú tại Thôn T 1, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (theo văn bản ủy quyền ngày 20/11/2017 của ông R, bà M, bà O, bà Q)

+ Bà Hoàng Thị K, nơi cư trú tại Thôn T 1, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Các đương sự thống nhất chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Đ chết năm 1987 và cụ Trần Thị S chết năm 2012. Quá trình chung sống cụ Đ và cụ S có 05 người con gồm Bà Nguyễn Thị L sinh năm 1957; ông Nguyễn Anh P sinh năm 1960; ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965; bà Nguyễn Thị V sinh năm 1967; bà Nguyễn Thị B sinh năm 1958 (đã chết năm 1986) hàng thừa kế thế vị

của bà B gồm bà Phan Thị Trà M sinh năm 1978, ông Phan Lê R sinh năm 1979, bà Phan Thị Hồng O sinh năm 1982, bà Phan Thị Lệ Q sinh năm 1984. Di sản của cụ Đ và cụ S được các bên thống nhất xác định và chia như sau: Diện tích đất 981m<sup>2</sup> ( trong đó có 400m<sup>2</sup> đất thổ cư; 381m<sup>2</sup> đất ruộng màu) thuộc thửa 40, tờ bản đồ 254G, tọa lạc tại thôn T 2, xã B, huyện Đ, tỉnh lâm Đồng. (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số P 792960 ngày 28/4/2000) mang tên hộ Trần Thị S. Các đương sự thỏa thuận:

- Ông Nguyễn Anh P được nhận phần diện tích đất có tứ cận: phía Đông giáp với phần diện tích đất của ông Lê Công E (G), phía Tây giáp với phần diện tích đất của ông T được nhận và đất của Trường mẫu giáo B, phía Nam giáp Quốc lộ 27, phía Bắc giáp với phần diện tích đất của ông X, bà U. **Vị trí 1** được xác định như sau: Có chiều ngang giáp Quốc lộ 27 là 10mét (được đo từ cọc sắt giáp đất của ông E) kéo sang Phía Tây (phía ngôi nhà ván của vợ chồng ông T, bà K) là 10mét. **Vị trí 2** được xác định như sau: Đo từ sát diện tích đất nhà ông E (G) đo sang phía Tây đến tại ngay điểm mép cuối ngôi nhà ván của ông T, bà K có chiều ngang là 10mét. **Vị trí 3** được xác định như sau: Từ **vị trí 2** đã được xác định kéo thẳng theo hướng Nam, Bắc đến hết mép bờ đá bê tông được xây dựng nằm trên phần đất ông T được nhận được xác định là **vị trí 3**; chiều ngang phía giáp đất của ông X, bà U là 21mét (hình dáng toàn bộ diện tích đất giao cho ông P có hình dáng chữ L); trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở nông thôn. (có họa đồ kèm theo)

- Ông Nguyễn Văn T được nhận phần diện tích đất có tứ cận: phía Đông giáp với phần đất của ông P được nhận, phía Tây giáp với phần đất của Trạm y tế xã B, phía Nam giáp Quốc lộ 27, phía Bắc giáp với phần đất của ông P được nhận. Có chiều ngang giáp Quốc lộ 27 là 7,57mét, chiều ngang của diện tích đất phía bắc giáp với phần đất của ông P được nhận là 8,32mét (đến mép sau của bờ đá bê tông nằm trên đất của ông T); trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở nông thôn. (có họa đồ kèm theo)

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc kê khai đăng ký đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Bà Nguyễn Thị V đồng ý giao lại cho các ông Phan Lê R, bà Phan Thị Trà M, bà Phan Thị Hồng O, bà Phan Thị Lệ Q số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Ông Nguyễn Văn T đồng ý giao lại cho các ông Phan Lê R, bà Phan Thị Trà M, bà Phan Thị Hồng O, bà Phan Thị Lệ Q số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) thông qua bà V nhận, tổng cộng là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) toàn bộ số tiền trên bà V có nghĩa vụ trực tiếp giao cho ông R, bà M, bà O, bà Q.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Huy H, bà Nguyễn Thị Thúy N về yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với cụ Trần Thị S.

*Về chi phí tố tụng:*

Toàn bộ chi phí tố tụng như thẩm định giá, đo vẽ, xem xét tại chỗ ông Nguyễn Anh P đã tạm ứng số tiền 20.291.000đ. Các đương sự thỏa thuận như sau:

- Ông Nguyễn Anh P nhận chịu số tiền 10.291.000đ (*Mười triệu, hai trăm chín mươi một ngàn đồng*).

- Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ giao lại cho ông Nguyễn Anh P số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) là chi phí tố tụng trong vụ án đã được các bên thỏa thuận.

*Về án phí:*

Ông Nguyễn Anh P phải chịu số tiền 20.336.000đ (*Hai mươi triệu, ba trăm ba mươi sáu ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.850.000đ (*Mười một triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng*) theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000269 ngày 05/8/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng mang tên Nguyễn Anh P, Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000271 ngày 05/8/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng mang tên Nguyễn Thị L và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000270 ngày 05/8/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng mang tên Nguyễn Thị V, ông P còn phải nộp 8.486.000đ (*Tám triệu, bốn trăm tám mươi sáu ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu số tiền 17.188.000đ (*Mười bảy triệu, một trăm tám mươi tám ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.950.000đ (*Ba triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000287 ngày 13/8/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng. Ông T còn phải nộp số tiền 13.238.000đ (*Mười ba triệu hai trăm ba mươi tám ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

X trả cho vợ chồng ông Nguyễn Huy H, bà Nguyễn Thị Thúy N số tiền 7.500.000đ (*Bảy triệu, năm trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2013/0000328 ngày 10/9/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV & THA;
- Cục THA dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu AV- HS.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký)**

**Nguyễn Hữu Hồng**